TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ - TP HÀ NỘI** *** * * ***	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 29/01/2019.
V/v: Tranh chấp HN&GĐ:

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tưởng Ngọc T**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu T
2. Bà Nguyễn Thị Thanh H

- Thư ký hiên tòa: Ông **Tô Mạnh H**, thư ký TAND huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị L** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/01/2019 tại Trụ sở TAND huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 343/2018/TLST-HNGĐ ngày 10/12/2018 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXX-ST ngày 08 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Tuấn C, sinh năm 1971; Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1970; Đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn Chúc Lý, xã Ngọc Hòa, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 02 tháng 01 năm 2018 và bản tự khai của anh Lê Tuấn C trình bày:

Anh có đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1970 tại UBND xã Biên Giang, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Sơn Bình (cũ) nay là ph- ờng Biên Giang, quận Hà Đông, TP Hà Nội ngày 07/5/1991. Trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến cuối năm 2013 anh phát hiện chị D có quan hệ ngoại tình, từ đó vợ chồng thường xuyên sảy ra mau thuẫn, vì con nên anh chị đã bỏ qua cho nhau, đến tháng 5/2015 thì anh phát hiện chị D vẫn có quan hệ bất chính với người khác, từ đó vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm hỏi han đến ai. Nay anh xác định không còn tình cảm gì nên anh xin ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh chị có 3 con chung là: cháu Lê Tuấn L, sn 1991; cháu Lê Tuấn T, sn 1994 và cháu Lê Thị Uyển N, sinh ngày 18/7/2005. Hiện nay cháu L và cháu T đã trưởng thành tự lập, còn cháu N anh xin được nuôi cháu N, nhưng theo nguyện vọng của cháu muốn ở với ai thì anh nhất trí.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị D xác nhận và trình bày: Chị có đăng ký kết hôn với anh Lê Tuấn C, sinh năm 1971, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Biên Giang, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Sơn Bình (cũ) nay là ph- ờng Biên Giang, quận Hà Đông, TP Hà Nội ngày 07/5/1991. Sau khi kết hôn thì hai vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, trong thời gian chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì, vợ chồng anh chị sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay không ai quan tâm hỏi han đến ai. Nay anh C xin ly hôn, chị muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là: cháu Lê Tuấn L, sn 1991; cháu Lê Tuấn T, sn 1994 và cháu Lê Thị Uyển N, sinh ngày 18/7/2005. Hiện nay cháu L và cháu T đã trưởng thành tự lập, còn cháu N hiện nay đang ở với chị. Nếu phải ly hôn chị xin được nuôi cháu N cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa hôm nay anh C vẫn giữ nguyên quan điểm của mình và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị D và xin được nuôi con chung.

Chị D không nhất trí ly hôn và xin được đoàn tụ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không có kết quả do chị D muốn vợ chồng đoàn tụ còn anh C tha thiết xin được ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ có ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự, tạo điều kiện cho các bên được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho anh C được ly hôn với chị D; về con chung giao cháu N cho chị D tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng; về tài sản chung không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh C đã làm đơn khởi kiện theo mẫu và nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ngày 23/01/2019 chị D vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 BLTTDS, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa.

[2]. Về nội dung: Hôn nhân giữa anh C và chị D trên cơ sở có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên cuộc sống chung không hạnh phúc. Nguyên nhân do vợ chồng không bảo ban được nhau, vợ chồng có quá nhiều điểm bất đồng trong lối sống, quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau, nghi ngờ lẫn nhau, anh C cho rằng chị D có quan hệ ngoài luồng nên dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, chị Dung cho rằng vợ chồng không mâu thuẫn. Qua xác minh và lấy lời khai của ông Q là bố đẻ anh C cho biết vợ chồng anh C mâu thuẫn nhau từ năm 2015 xuất phát từ việc có dư luận cho rằng chị D có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, anh C cũng khuyên bảo nhiều lần nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, anh C và chị D cũng đã sống ly thân nhau từ năm 2015 đến nay. Việc chị D xin được đoàn tụ nhưng trong thời gian vợ chồng sống cùng nhau và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, chị D cũng không đưa ra được phương pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa anh C và chị D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh C có đơn đề nghị ly hôn với chị D là hoàn toàn tự nguyện và có căn cứ phù hợp với Điều 56 luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Anh chị có 03 con chung là: cháu Lê Tuấn L, sn 1991; cháu Lê Tuấn T, sn 1994 và cháu Lê Thị Uyển N, sinh ngày 18/7/2005. Hiện nay cháu L và cháu T đã trưởng thành tự lập, còn cháu N hiện nay đang ở chị D và theo nguyện vọng của cháu N cháu muốn ở với mẹ. Xét thấy yêu cầu của các bên là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử giao cháu N cho chị D tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh C đến khi có yêu cầu khác. Anh C có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

[4.] Về tài sản chung: Anh C, chị D đều thừa nhận vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử thì anh C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Anh Lê Tuấn C được ly hôn chị Nguyễn Thị D.

Về con chung: Xác nhận anh C, chị D có 03 con chung là: cháu Lê Tuấn L, sn 1991; cháu Lê Tuấn T, sn 1994 và cháu Lê Thị Uyển N, sinh ngày 18/7/2005. Hiện nay cháu L và cháu T đã trưởng thành tự lập. Giao cháu Lê Thị Uyển N, sinh năm 2005 cho chị D tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh C đến khi có yêu cầu mới. Anh C có quyền thăm non con chung, không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung, công nợ chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Lê Tuấn C phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003667 ngày 03/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ.

Áp dụng Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự báo cho anh C, chị D biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tưởng Ngọc Tuấn

Nơi nhận:
-TAND thành phố Hà Nội;
-VKSND huyện Chương Mỹ;
-Chi cục THA huyện Chương Mỹ;
- Các đương sự;
- UBND phường Biên Giang, quận Hà Đông;
-Lưu HS.